BẤT ỔN SINH KẾ VÀ DI CƯ LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGÔ THỊ PH□ƠNG LAN

Trong những thập kỷ qua, cùng với chính sách Đổi mới và sự phát triển kinh tế chung của cả nước, vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã có những bước phát triển rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân toàn vùng đạt 11,7%. Tuy nhiên, khu vực này lại là một trong ba vùng có số lượng người xuất cư nhiều nhất trong cả nước (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 31). Trong đó, dòng xuất cư nông thôn - đô thị chiếm tỷ lệ chủ yếu. Dòng di cư giữa các vùng lớn nhất là từ vùng ĐBSCL đến vùng Đông Nam Bộ với hơn 714.000 người (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 34). Di cư lao động hiện đang là một vấn đề nổi bật của các dân tộc ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có người Khơ-me.

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực địa lý có đông người Khơ-me sinh sống nhất cả nước (94%) (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 213-225). Dân số người Khơ-me hiện có 1.260.640 người, trong đó chủ yếu sinh sống ở vùng nông thôn (84%) và là một trong 5 dân tộc có dân số đông ở Việt Nam (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 134).

Để lý giải về các quyết định di dân, các công trình nghiên cứu đã có những cách phân tích dựa vào yếu tố kinh tế (Ravenstein, 1889), khía cạnh xã hội, các nguyên nhân có liên quan đến môi trường tự nhiên (thiên tai), nhân khẩu học (Todaro, 1997; Loi, 2005), đặc điểm cá nhân (tuổi tác, học vấn) của người di cư (Mark và Oded, 1997), khoảng cách địa lý (Sang, 2007), suy giảm diện tích đất đai nông nghiệp và áp lực dân số (Hawley, 1950; Huynh Truong Huy, 2009, tr. 3-4; Le Thanh Sang, 2007, tr. 94).

Về di cư lao động của người Khơ-me, các công trình nghiên cứu (Taylor, 2007; Huynh Truong Huy, 2009; Nguyễn Thị Hòa, 2009) đều chứng minh vai trò tích cực của di cư lao động, đó là sự đóng góp quan trọng về mặt kinh tế cho người di cư và thu nhập của gia đình người Khơ-me. Các nghiên cứu còn cung cấp một số đặc điểm của bức tranh di cư lao động của cộng đồng người Khơ-me: nơi đến của di cư lao động Khơ-me là Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương; công việc phi chính thức là chủ yếu (xây dựng, phụ quán và giúp việc), chủ yếu là lao động trẻ di cư; nguyên nhân di cư chủ yếu là do yếu tố kinh tế, và cuộc sống của người Khơ-me di cư ít được quan tâm. Đặt trong mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế hộ gia đình và các chính sách của Nhà nước, nghiên

cứu của Taylor (2007) dù cho thấy rằng di cư lao động là một nguồn đóng góp quan trọng cho sự phát triển của kinh tế hộ gia đình Khơ-me, nhưng sự phát triển kinh tế này không phải là kết quả của các chương trình phát triển nông thôn mà là kết quả của các chiến lược có liên quan đến nguồn lực "vốn xã hội" của người Khơ-me như là những "hành trình cong thay thế" (alternative trajectories).

Trong khuôn khổ bài viết này, để làm rõ cường độ, động thái và các sắc thái của quá trình di cư lao động của người Khơ-me, chúng tôi tập trung phân tích *bất ổn sinh kế* như một lực đẩy quan trọng của quá trình này. Trên cơ sở phân tích các tác động của di cư lao động, chúng tôi cũng nhận diện những thách thức hiện nay cho sự phát triển của cộng đồng người Khơ-me vùng nông thôn ĐBSCL.

Dữ liệu phân tích của bài viết này được thu thập trong hai đợt khảo sát vào năm 2010 và 2011 tại tỉnh Trà Vinh, một trong hai tỉnh có đông người Khơ-me sinh sống ở vùng ĐBSCL. Địa điểm khảo sát là ấp Trà Kháo, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè và ấp Sơn Lang, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Đây là hai xã có người Khơ-me chiếm hơn 50% dân số và hơn 90% dân số của xã làm nông nghiệp. Các cư dân tại hai địa điểm nghiên cứu sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản - hai lĩnh vực kinh tế quan trọng hiện nay ở ĐBSCL. Nghiên cứu trường hợp cấp độ vi mô của chúng tôi về hiện tượng di cư lao động theo hướng bất ổn sinh kế sẽ là một trong những cách lý giải cho nghịch lý của vùng về tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với di cư lao động.

1. Các chính sách phát triển kinh tế và sinh kế của người Khơ-me ở vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

1.1. Chính sách phát triển kinh tế ở cộng đồng người Khơ-me

Cả hai xã nghiên cứu đều là xã nghèo của tỉnh Trà Vinh nên nhận được nhiều chương trình đầu tư của Nhà nước, đặc biệt là các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, như Quyết định 81 về hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo đón tết Nguyên đán, Quyết định 74, 134, 167 về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, Quyết định 289 về hỗ trợ dầu hỏa thắp sáng cho hộ nghèo, Trợ giá - trợ cước (muối i-ốt, lúa giống), Chương trình 135 về xây dựng cơ sở hạ tầng, Chương trình 35 về Trường - trạm, Chương trình Trợ giúp pháp lý, Quyết định 32 về hỗ trợ vốn sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số. Các chương trình này là những nỗ lực lớn của chính quyền với kỳ vọng đây sẽ là những lực đẩy cho sự phát triển kinh tế của người dân, trong đó có người Khơ-me. Đối với các xã nghèo thuộc Chương trình 135, sự cải thiện dễ nhận thấy nhất là cơ sở hạ tầng với đường giao thông và hệ thống trường, chợ được xây cất khang trang. Dù có rất nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, cả gián tiếp và trực tiếp, nhưng các chương trình này vẫn chưa có tác động sâu rộng trong cộng đồng người Khơ-me. Hai hạn chế nổi bật của quá trình thực thi các chính sách này là cơ chế thực hiện và tính chất hỗ trợ.

Hình thức chủ yếu của các chương trình phát triển kinh tế hay hỗ trợ sản xuất là cho vay vốn với lãi suất ưu đãi và khuyến nông. Tuy nhiên, cũng như các địa phương

khác ở vùng ĐBSCL, kênh thông tin cũng như thực hiện các chính sách tại các địa phương là thông qua các tổ chức đoàn thể, cụ thể là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên. Do vậy, đối tượng hưởng lợi của các chương trình này là hội viên của các tổ chức này qua việc hình thành các tổ sản xuất vay vốn. Trong quá trình khảo sát về sự tham gia vào các tổ chức đoàn thể tại địa phương và mức độ hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ phát triển của Nhà nước, chúng tôi nhận thấy tồn tại thực trạng là người Khơ-me chưa biết đến nhiều và ít quan tâm đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể này tại địa phương, thậm chí cả khi họ tham gia và được hưởng lợi từ các chương trình vay vốn. Lý do người Khơ-me không tiếp cận được với các chương trình phát triển kinh tế này là do có một bộ phận người Khơ-me không thông thạo tiếng Việt hay thường xuyên đi làm xa nhà. Ngôn ngữ là một rào cản quan trọng trong việc tiếp cận với các chương trình phát triển kinh tế vì việc hướng dẫn vay vốn và công tác khuyến nông vốn là các kiến thức "phức tạp" hiện nay ở các vùng nông thôn ĐBSCL nơi có người Khơ-me sinh sống đều thực hiện bằng tiếng Việt. Rào cản ngôn ngữ khiến cho một bộ phận người Khơ-me tự ngoại lệ hóa bản thân mình trong các hoạt động chung của địa phương.

Bên cạnh đó, dù các chương trình vay vốn với lãi suất ưu đãi là một nguồn vốn hỗ trợ quan trọng đối với người Khơ-me nhưng do có tính chất hỗ trợ nên số vốn vay từ các chương trình còn hạn chế không đủ để phát triển sản xuất. Chính vì nguyên nhân số vốn vay ít cộng với hoàn cảnh kinh tế khó khăn của người được vay, đặc biệt là những hộ không có đất canh tác, nên việc sử dụng sai mục đích hay không vay nguồn vay phát triển sản xuất còn phổ biến trong cộng đồng người Khơ-me. Do vậy, hiện nay ở cộng đồng người Khơ-me ở vùng nông thôn ĐBSCL tuy có nhiều chương trình và chính sách hỗ trợ nhưng sinh kế của các cư dân vẫn còn nhiều bất ổn.

1.2. Sinh kế của người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long

Cộng đồng người Khơ-me ở hai địa bàn nghiên cứu sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Các nghề nghiệp phổ biến của người Khơ-me tại hai địa bàn nghiên cứu là trồng lúa, trồng màu (hoa màu lương thực và hoa màu thực phẩm), cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi gia súc - gia cầm, nuôi trồng thủy sản và đi làm thuê. Công việc làm thuê trong nông nghiệp tại địa phương là nam giới chủ yếu làm các công việc như cuốc đất, làm cỏ, khuân vác; nữ giới làm các công việc như làm cỏ, cắt lúa, cấy dặm lúa. Tiền công lao động đối với nam giới là khoảng 80.000 - 90.000đ/ngày, nữ giới 60.000đ/ngày, cơm nước tự lo. Sở dĩ có sự chênh lệch tiền công lao động giữa nam và nữ là do "nam giới có sức hơn, làm các công việc nặng nhọc hơn". Làm thuê là một công việc phổ biến để đa dạng nguồn thu nhập cho cá nhân và hộ gia đình người Khơ-me.

Tuy sống bằng nông nghiệp nhưng diện tích đất sản xuất ít và thu nhập bấp bênh từ nông nghiệp đã khiến cho thu nhập từ nguồn này không đảm bảo an ninh cuộc sống cho một bộ phận người Khơ-me. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở hai ấp khảo

sát trung bình hộ là từ 0,4 đến 0,5 ha/hộ. Với quy mô diện tích đất sản xuất như vậy, các hộ gia đình ở các địa phương này đều thuộc diện thiếu đất sản xuất (Nguyễn Đình Hương, 1999). Nguyên nhân của việc thiếu đất sản xuất này là do sự gia tăng dân số và sự chênh lệch trong tích lũy ruộng đất trong cộng đồng. Đối với người Khơ-me, đất đai là nguồn tài sản quan trọng và được chia cho cả con trai và con gái. Nguồn gốc đất đai là do khai phá, được Nhà nước cấp hay tự tích lũy.

Đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng chủ yếu để trồng lúa. Trước đây người dân chủ yếu trồng lúa một vụ nhưng nhờ sự tiến bộ khoa học kỹ thuật, ở các vùng thích hợp hiện nay người dân có thể làm từ hai đến ba vụ một năm hay thậm chí bảy vụ trong hai năm. Quá trình thâm canh tăng vụ này bắt đầu từ giai đoạn 1993 - 1996. Đối với những vùng đất nông nghiệp không thích hợp cho việc sản xuất thâm canh lúa hay do sự chuyển dịch trong trồng trọt, người nông dân thường kết hợp canh tác lúa vào mùa mưa và trồng màu vào mùa nắng. Tuy nhiên, quá trình canh tác thâm canh này đòi hỏi sự đầu tư khá cao về phân bón và thuốc trừ sâu vốn phụ thuộc mạnh mẽ vào thị trường nên người dân cũng chịu nhiều rủi ro trong quá trình sản xuất. Kết quả là tuy năng suất lúa tăng đáng kể nhưng đời sống người dân chưa được cải thiện rõ nét. Các trường hợp sinh kế của các hộ Khơ-me ở địa bàn khảo sát minh họa cho các phân tích trên của chúng tôi.

Chân dung hộ Khơ-me trồng lúa chuyên canh: Hộ Thạch Del ở ấp Trà Kháo, huyện Cầu Kè thuộc hộ có thu nhập trung bình trong ấp. Hộ có sáu nhân khẩu, bao gồm bốn người lớn và hai trẻ em. Hộ có diện tích canh tác là một "mẫu" (1,3ha). Đây là hộ có diện tích canh tác được cho là "lớn" ở trong vùng. Hộ sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa. Một năm làm ba vụ: đông - xuân, hè - thu, và thu - đông. Năng suất lớn nhất là 20 tấn/ha/năm. Chi phí sản xuất trung bình là 30 triệu đồng/ha/năm cho việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu và cơ giới hóa. Với giá lúa năm 2009 (3.000đ/kg) thì thu nhập từ lúa của hộ sau khi trừ chi phí là 30 triệu đồng/năm. Dù đây là hộ làm nông nghiệp chuyên canh được cho là có thu nhập "khá" trong cộng đồng nhưng thu nhập bình quân đầu người/tháng từ trồng lúa thấp hơn một nửa so với thu nhập bình quân đầu người của vùng ĐBSCL năm 2008 (940.000đ/người/tháng) (Tổng cục thống kê, 2010, tr. 249). Để có vốn sản xuất, chủ yếu là mua phân bón, hộ đã thế chấp một mẫu đất để vay 20 triệu đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Hộ còn dùng số tiền vay này để mua một con bò. Bên cạnh ngân hàng nhà nước, mạng lưới đại lý nông nghiệp là nguồn cung cấp vốn quan trọng cho người dân địa phương nhưng người dân phải chịu mua hàng hóa với giá cao hơn mức bình thường 10%. Gặp năm lúa thất thu, hộ thu hoạch chỉ đủ trả cho các đại lý phân bón, giống, và thuốc trừ sâu, "nhiều khi thu hoạch lúa nhưng trong nhà không có lúa vì đại lý vô tận ruộng lấy".

Chân dung hộ Khơ-me trồng lúa và hoa màu: Hộ Thạch Thi ở ấp Sơn Lang, huyện Cầu Ngang là hộ có thu nhập trung bình trong ấp. Hộ có bốn khẩu và có diện tích "hai công" (2.000m^2). Đất ruộng được cha mẹ bên chồng chia cho. Hộ có thuê thêm hai công ruộng để trồng lúa với giá 10 giạ

(200kg) lúa công/năm. Hộ sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa và trồng màu. Năng suất lúa trung bình từ 15 đến 20 giạ/công/vụ. Hộ chủ yếu trồng lúa vào mùa mưa để có lúa ăn, còn thu nhập chủ yếu của hộ là từ vụ trồng màu vào mùa khô. Theo hộ, "trồng màu lời gấp đôi lúa". Cũng như hộ Thạch Thi, nhiều người dân trong vùng đang có xu hướng chuyển từ trồng lúa sang trồng màu nhưng do chất đất không phù hợp vì là vùng đất thấp nước không xổ ra ngoài nên vào mùa mưa chỉ có thể trồng lúa. Theo hộ, nếu trồng lúa "một công thu được 2 triệu đồng, tiền lời từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng". Trong khi đó, "trồng đậu phộng một công thu được 10 triệu đồng, tiền lời là 7 triệu đồng". Tuy nhiên, với diện tích canh tác ít và cũng không có nhiều đất để thuê nên thu nhập từ nông nghiệp cũng chỉ "đủ ăn, đắp đổi qua ngày, không làm giàu được". Để có thêm thu nhập cho các khoản chi phí khác, cũng như nhiều người dân trong cộng đồng, hai vợ chồng đi làm thuê tại địa phương vào những lúc nông nhàn. Hộ không "vay mượn của Nhà nước", không biết về vay vốn vì "ít khi ở nhà" và "không ai kêu".

Chân dung hộ Khơ-me đi làm thuê: Hộ Sơn Nguol, 37 tuổi, hộ không có đất canh tác. Gia đình có năm nhân khẩu. Hộ sinh sống chủ yếu bằng nghề đi làm thuê. Người chồng cách đây 5 năm tìm được việc làm vác gạo thuê ở Cầu Ngang với lương tháng 2 triệu đồng, được bao ăn ngày hai bữa. Người con trai lớn 16 tuổi, học hết lớp 9 thì bỏ học vì "theo không nổi". Hiện người con trai này đang phụ việc cho một quán cơm ở Thành phố Hồ Chí Minh, lương tháng 2 triệu đồng, được chủ bao ăn ở. Người con này mới đi làm một tháng nên chưa gửi tiền về. Người con đi làm ở thành phố do có họ hàng đi trước giới thiệu. Nhà "không có nợ nần gì", "không vay mượn gì". Một ngày chi phí ăn uống khoảng 30.000 đồng cho 2 vợ chồng và 2 người con nhỏ. Người vợ chủ yếu ở nhà trông con. Chi phí nhiều nhất của gia đình là chi cho các đám tiệc như đám giỗ, các đám làm phước ở chùa, giỗ ông Lục Cả. Số tiền đi "làm phước" ở chùa thường là 50.000 đồng nếu có thiệp mời, nếu không có thiệp mời thì chỉ mừng cưới 20.000 - 30.000 đồng. Theo hộ, tuy không có đất nhưng may mắn vì có việc làm có tiền nhưng hộ cũng nhận thức là "việc làm thuê không ổn định vì có tiền nhưng làm nặng, mất sức khỏe, nghỉ ngày nào là không có tiền ngày đó".

Qua thực trạng sinh kế của một số hộ nông dân người Khơ-me, chúng tôi nhận thấy hiện nay sự phát triển của khoa học kỹ thuật chú trọng đến việc tăng năng suất và đa dạng cây trồng vẫn chưa giải quyết được nan đề diện tích sản xuất nông nghiệp hạn chế. Bên cạnh đó, do sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên và thị trường nên nguồn thu này cũng có nhiều rủi ro về sản lượng và giá cả. Để sinh tồn, tăng thu nhập cho hộ gia đình, di cư lao động là một lựa chọn của nhiều cá nhân và hộ gia đình người Khơ-me vùng nông thôn ĐBSCL. Hiện nay, giao thông thuận tiện và thông tin sẵn có là các yếu tố thuận lợi giúp cho người Khơ-me di cư lao động đến các thành phố lớn, nơi có quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa đang phát triển mạnh mẽ. Quá trình di cư lao động này diễn ra tự phát ở cấp độ cá nhân và hộ gia đình.

Di cư lao động giữa các vùng đặc biệt từ vùng nông thôn đến các đô thị là một hiện tượng đi cùng với sự phát triển của các vùng

đô thị, giao thông thuận tiện, thông tin sẵn có, và mạng lưới xã hội ngày càng phát triển có tính liên vùng. Sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ là một lực thu hút mạnh mẽ lực lượng lao động di cư từ vùng ĐBSCL, trong đó có người Khơ-me. Kết quả điều tra về di cư trong cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 đã cho thấy hiện tượng "nữ hóa di cư", "trẻ hóa di cư" đang phát triển và hiện tượng di cư có tác động tiêu cực đến giáo dục của trẻ em di cư trong độ tuổi đến trường (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 102-104). Hiện tượng di cư lao động của người Khơ-me vùng ĐBSCL là một trong ba vùng có tỷ lệ xuất cư cao nhất nước này bên cạnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, cũng thể hiện rõ những đặc điểm chung này của vùng.

Như vậy, tuy có rất nhiều chính sách hỗ trợ cho người Khơ-me ở vùng nông thôn để phát triển kinh tế nhưng hiệu quả của các chương trình này còn hạn chế do quá trình thực hiện và do hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp ít nên "các hành trình cong" là những chiến lược sinh tồn hiện nay của người Khơ-me, trong đó, di cư lao động là một chiến lược quan trọng.

2. Di cư lao động nông thôn - đô thị của người Khơ-me ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Di cư lao động được đề cập đến trong bài này là hiện tượng di chuyển chỗ ở đến một địa phương khác để có việc làm và cư trú tại địa phương đến nhưng vẫn gắn kết với cộng đồng tại nơi xuất cư. Dòng di cư chủ yếu của người Khơ-me ở địa điểm khảo sát chủ yếu đi đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Dương và Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm gần đây dòng di cư còn mở rộng đến tỉnh Lâm Đồng. Các công việc chủ yếu của người di cư ở nơi đến đó là công nhân, phụ hồ, khuân vác, giúp việc, thu hái cà phê, mía, lao động phổ thông. Tùy theo tính chất công việc, thời gian di cư thường là vào những tháng nông nhàn, hay vào những lúc nơi khác vào mùa vụ, hay làm quanh năm. Để có được những công việc này, người Khơ-me dựa vào *mạng lưới phi chính thức*, đó là thông tin từ những người môi giới việc làm tại địa phương, những người họ phải trả từ 300.000 đến 500.000 đồng mỗi khi nhận được việc làm hay thông tin "miễn phí" từ những người thân hay hàng xóm đã đi làm trước. Với uy tín đã có, những người đi làm trước thường được những người có nhu cầu cần lao động ở các địa phương khác nhờ tìm giúp người tại địa phương họ sinh sống. Do vậy, những dịp lễ tết của cộng đồng Khơ-me thường là những dịp có nhiều người Khơ-me di cư lao động vì đây là lúc những người Khơ-me đang di cư lao động quay trở về cộng đồng đồng thời tìm kiếm và giới thiệu thông tin lao động việc làm cho các thành viên khác trong cộng đồng. Bức tranh di cư lao động ở cộng đồng người Khơ-me được minh họa qua các trường hợp cụ thể của các hộ gia đình Khơ-me sau:

Chân dung hộ Khơ-me làm nông nghiệp di cư lao động tạm thời: Hộ Kim Thị Sa Mít ở ấp Sơn Lang có bảy nhân khẩu. Hộ có diện tích trồng lúa 2.000m^2 "ở đồng ngọt", diện tích nuôi tôm 5.000m^2 "ở đồng mặn". Một năm hộ thu hoạch lúa trúng nhất là từ 1,6 đến 2 tấn (2 vụ). Sau khi trừ hết các chi phí thì gia đình còn dư khoảng 120kg

lúa, đủ ăn trong khoảng hai tháng. Hộ cũng nuôi tôm nhưng do lỗ liên tục nhiều năm nên hiện giờ còn nợ Nhà nước 12 triệu đồng. Số tiền này hộ vay để làm ao nuôi tôm. Khi không còn kỳ vọng vào lợi nhuận từ tôm để trả nợ, hộ quyết định đi làm thuê để kiếm tiền trả nợ. Hàng năm, khi hết mùa nuôi tôm, hai vợ chồng "đi làm ăn ở miền trên, trồng mía, trồng khoai… gặt bên Đồng Tháp". "Người ta mướn gì làm nấy" hay đi "lượm hột điều ở Đắk Nông, trồng mía ở Đồng Nai. Tiền công đàn ông 100.000đ/ngày, phụ nữ 80.000đ/ngày, được bao ăn ở". Lý do hộ đi làm ở các tỉnh xa là "đi xa công cao hơn nhưng cái gì cũng mắc hơn, nhưng phải đi vì ở đây không có việc". Thường một năm hộ di cư khoảng hai tháng. Khi đi làm xa, cả gia đình gồm vợ chồng và ba người cùng đi. Cha mẹ của chị Mít ở lại trông coi nhà cửa.

Chân dung hộ Khơ-me làm nông nghiệp và làm thuê di cư lao động tạm thời: Hộ Lý Sang, 60 tuổi ở ấp Sơn Lang. Hộ có bốn nhân khẩu, có diện tích nông nghiệp là 2.000m^2. Hàng năm, nếu được mùa lúa, hộ thu hoạch được 1,6 tấn. Nhưng vào những năm mất mùa chẳng hạn như năm 2010, hộ chỉ thu được 800kg trong khi số tiền đầu tư là 4 triệu đồng/năm. Như vậy, nếu bán hết số lúa thu được với giá 6.000đ/kg (năm 2010) thì hộ chỉ có lãi 800.000đ/năm. Số tiền này không đủ cho nhu cầu sinh sống cơ bản của hộ. Do vậy, ngoài làm lúa, để sinh sống, cả hai vợ chồng đi gặt lúa thuê và làm hồ tại cộng đồng hay các vùng lân cận. Khi tại địa phương không có việc, cả gia đình đi "hái cà phê trên Đà Lạt" với tiền công 100.000đ/ngày/người. Thời gian đi làm tại Đà Lạt khoảng gần hai tháng. Số tiền dành dụm của hộ có được từ việc đi làm này là từ 5 đến 6 triệu đồng. Lý do di cư đến các tỉnh xa là do "làm ruộng thất quá, nhà đông người diện tích đất ruộng không đủ sống, bây giờ máy cắt hết trơn còn việc đâu mà làm".

Chân dung lao động trẻ người Khơ-me di cư lao động: Thị Dung là con gái lớn trong gia đình có bốn anh chị em. Gia đình Dung có 5.000m^2 ở "đồng mặn". Trước đây do đất ở vùng đồng mặn thường xuyên bị nhiễm mặn nên trồng lúa không có năng suất. Hiện nay, theo chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế của xã, hộ đã chuyển từ trồng lúa một vụ sang nuôi tôm nhưng việc nuôi tôm này thường xuyên thất bại nên hiện nay hộ không còn nuôi tôm. Hộ gia đình có vay 5 triệu đồng của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam với tư cách là thành viên của tổ sản xuất liên tổ Đoàn Thanh Niên - Nông dân của ấp. Hộ vay số tiền này dự định để mua bò về nuôi nhưng do số vốn vay không đủ mua bò nên hộ phải mua lợn để nuôi. Dung học đến lớp 8 thì nghỉ học. Ngay sau đó, cô được bà Đ. ở trong xóm dẫn lên Thành phố Hồ Chí Minh để giúp việc nhà. Tính đến nay, Dung đã giúp việc cho chủ nhà được chín năm. Lý do cô muốn đi làm ở thành phố vì muốn kiếm tiền "chứ ở đây không có việc gì làm. Thấy người ta đi được sung sướng về có quần áo đẹp, có vàng đeo". Cô may mắn vì được gia đình chủ thương. Cô "có chữ" nhưng không thích đi làm công ty do không thích bị ràng buộc về thời gian và đặc biệt "nếu đi làm công ty thì vào các ngày lễ tết của người Khơ-me sẽ không được về nhà". Đây cũng là lý do khiến hiện nay nhiều người Khơ-me trong cộng đồng thích đi làm ở các công trình xây dựng vì không bị ràng buộc về thời gian.

Lương tháng hiện nay của Dung là 1,7 triệu đồng/tháng. Một năm cô được về thăm nhà hai lần vào dịp tết Cholchonamtho may (thường trùng vào tháng 4 dương lịch), và lễ Dol ta (thường trùng vào tháng 8 dương lịch). Còn vào dịp Tết của người Việt thì cô ở lại nhà chủ để phụ giúp. Cô lấy chồng được một năm nay. Chồng cô cũng là người Khơ-me, đang đi làm hồ ở một công trình tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cô quen chồng khi đi qua thăm chị đi theo phụ chồng tại đây. Cô dự định khi sinh con, sẽ về nhà ở với mẹ để nuôi con lớn rồi sẽ đi làm tiếp, có thể sẽ đi phụ hồ làm ở các công trình xây dựng với chồng. Em gái thứ tư của cô cũng đang đi giúp việc cho một gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh. Em trai thứ ba của cô đang đi phụ giúp cho một quán ăn cũng ở Thành phố, lương tháng 1 triệu đồng.

Chân dung hộ nông nghiệp Khơ-me di cư lao động cả gia đình: Hộ Thạch Thị Bai ở ấp Trà Kháo, huyện Cầu Kè có diện tích sản xuất là 2.000m^2 do cha mẹ bên vợ chia. Hộ có 4 người. Số người di cư lao động là 3 người. Hộ di cư lao động từ năm 2008 "do làm ruộng không đủ ăn và làm lúa thất". Lúc đầu chị Bai và con gái lớn đi làm cho một cơ sở may bao bì ở Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau một năm làm việc tại đây, cơ sở nơi chị làm cần thêm lao động nên chị đã bảo chồng chị lên cùng làm. Thu nhập ba người được khoảng 3 triệu đồng/tháng, trừ tiền thuê nhà (400 ngàn đồng) và ăn uống còn dư được khoảng 800 ngàn đồng. Hiện nay, nhà chỉ còn người con trai út 17 tuổi đang học lớp 9 ở lại trông nhà một mình để tiếp tục việc học. Ruộng đem cho thuê một năm được khoảng 10 giạ. Người con trai út vào dịp hè cũng lên thành phố làm việc khoảng 2 đến 3 tháng. Việc làm này do người quen trong xóm đang đi làm ở thành phố giới thiệu nên không mất tiền hoa hồng. Một năm cả nhà về nhà khoảng từ năm đến sáu lần vào các dịp lễ và "đám này đám kia". Tại Thành phố Hồ Chí Minh, đa phần láng giềng trọ cùng khu với gia đình chị ở Quận 6 đều từ Trà Vinh di cư đến. Khi có khó khăn, cộng đồng có sự giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau.

Như vậy, di cư lao động của người Khơ-me hiện nay có đặc điểm là người di cư lao động không chỉ là những người không có đất đai mà còn bao gồm cả những người gặp bất ổn trong sinh kế nông nghiệp. Di cư của những đối tượng này mang tính chất tạm thời. Cuộc sống gắn bó và đầu tư lâu dài của người Khơ-me vẫn là ở cộng đồng gốc. Di cư lao động đối với một bộ phận cư dân chỉ là việc làm bất đắc dĩ. Nếu có điều kiện, họ vẫn ưu tiên chọn làm việc làm tại cộng đồng. Sức hấp dẫn của một trang trại tư nhân đối với cư dân ấp Sơn Lang, huyện Cầu Ngang là một minh chứng. Tuy trang trại này chỉ giải quyết được khoảng vài chục lao động phổ thông tại địa phương với mức lương tương đối (trung bình từ 800.000 đến 1 triệu đồng/tháng) nhưng theo quan niệm của nhiều người Khơ-me tại đây, có được việc làm tại trang trại là "*cái may*" của nhiều người vì họ không phải đi làm xa. Nam nữ thanh niên khi đã lập gia đình có xu hướng trở về cộng đồng dù cuộc sống tại đây có khó khăn hơn vì "ở đây có nhà chứ ở thành phố toàn đi thuê". Kết quả nghiên cứu của Huynh Truong Huy cho thấy trình độ giáo dục của người Khơ-me ở Trà Vinh di cư trong nghiên cứu của mình đa số là chưa qua đào tạo (84,66%) và độ tuổi di cư lao động từ 15 đến trên 40 (Huynh Truong Huy,

2009, tr. 16). Do thực trạng cuộc sống bấp bênh của người Khơ-me nên các nghiên cứu về di cư lao động người Khơ-me thường nhấn mạnh đến nhu cầu cần có chính sách bảo trợ xã hội đối với những người di cư lao động này (Nguyễn Thị Hòa, 2009; Đặng Nguyên Anh, 2008; Le Bach Duong và cộng sự, 2011).

Người di cư lao động bao gồm nhiều lứa tuổi, kể cả những người chưa đến tuổi lao động. Hiện nay, ở các cộng đồng người Khơ-me ở các vùng nông thôn ĐBSCL phổ biến trẻ em bỏ học sớm để di cư lao động dẫn đến xu hướng trẻ hóa lực lượng di cư lao động. Để phụ giúp gia đình, trẻ em chưa đến tuổi lao động vùng nông thôn Khơ-me ngoài thời gian đi học còn phụ giúp công việc đồng áng, đi làm thuê với cha mẹ tại địa phương hay ở các địa phương với mức thù lao thấp hơn của người lớn. Quan điểm của những người bỏ học và có con bỏ học là "ở đây dân học hết phổ thông là nghỉ rồi,… học sau này có biết làm được gì không, học nhưng sau này phải có chân tay (người quen) mới xin được việc làm". Do vậy, lứa tuổi nghỉ học phổ biến để đi làm là trong độ tuổi học cấp hai. Đây là lứa tuổi các em nghỉ học có thể đi làm được. Lực lượng lao động trẻ em người Khơ-me này thường di cư cùng với gia đình hay người thân và làm việc cho phân khúc thị trường lao động phổ thông ở các nơi di cư đến.

Nguyên nhân chủ yếu của di cư lao động là do điều kiện kinh tế. Bất ổn sinh kế của người Khơ-me chủ yếu là thiếu việc làm tại chỗ do quá trình cơ giới hóa trong nông nghiệp, diện tích canh tác bình quân hộ ít, và thu nhập bấp bênh trong nông nghiệp.

Di cư lao động có đóng góp tích cực đối với cuộc sống của người Khơ-me: tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống và tăng cường mạng lưới xã hội, kiến thức xã hội và vốn sống cho bản thân người di cư (Huynh Truong Huy, 2009; Nguyễn Thị Hòa, 2009; Taylor, 2007). Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho kết quả tương tự. Tất cả người Khơ-me di cư chúng tôi tiếp xúc đều cho biết việc di cư lao động đến nơi khác giải quyết công ăn việc làm và giúp cho họ có thể sinh tồn trong bối cảnh bất ổn về sinh kế. Thu nhập việc làm tại nơi đến "cũng đỡ, đủ xài đủ ăn, ở quê mình đâu có sống nổi", "đi làm mới có dư, làm ở nhà không có dư, nhưng làm hơn tháng cả gia đình được 5 đến 6 triệu nhưng về tới nhà mình thất nghiệp, mình lại ăn hết trơn". Nhờ có tiền gửi từ thu nhập của người di cư lao động, các hộ Khơ-me có tiền "để mua lúa giống, mua lợn nuôi, dư thì đi chợ hàng ngày, xây nhà, chữa bệnh".

Bên cạnh những yếu tố tích cực đó, theo quan sát của chúng tôi, di cư lao động cũng có tác động tiêu cực đến cộng đồng, đó là làm thay đổi kết cấu xã hội tự nhiên. Hiện nay, ở các cộng đồng người Khơ-me ở vùng nông thôn ĐBSCL, người ở lại chủ yếu là những người lớn tuổi và trẻ em. Bên cạnh đó, di cư lao động có ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm gia đình và sự gắn bó cộng đồng do các thành viên phải đi làm xa. Đối với những gia đình di cư thường gửi con lại cho cha mẹ hay họ hàng trông nom trong khoảng thời gian dài nên việc thiếu thốn tình cảm và sự dạy dỗ của cha mẹ chắc chắn sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến tâm lý phát triển của trẻ em. Ngoài ra, đối với những hộ di cư lao động cả gia đình, việc di cư lao động thường

làm gián đoạn việc học của những đứa trẻ phải đi cùng cha mẹ đến nơi làm việc. Việc không theo kịp chương trình học cộng hưởng với tác động của các "tấm gương" những thanh thiếu niên Khơ-me bỏ học sớm di cư lao động kiếm được tiền phụ giúp gia đình đã thúc đẩy trẻ em người Khơ-me bỏ học. Do tính hấp dẫn của việc di cư lao động như là một chiến lược sinh kế quan trọng và do tính chất sinh kế hiện nay là "làm ngày nào ăn ngày đó" nên đảm bảo sinh tồn là dựa vào số lượng lao động của hộ. Hệ quả là ở cộng đồng người Khơ-me vẫn còn tồn tại quan điểm đầu tư vào số con như một sự nguồn bảo hiểm cho tương lai của nhiều người Khơ-me. "Người ta giàu thì có của này kia. Mình nghèo mình đẻ nhiều để mai mốt nhờ con. Nó lớn chút là đi làm được rồi. Bây giờ mình nuôi nó cực khổ hơn người ít con nhưng về già sướng hơn. Đẻ nhiều tuy khổ nhưng sau này già nó nuôi. Mất đứa này được đứa kia" (Thạch Thi, nữ, Cầu Ngang, 30 tuổi, có 4 người con).

Tóm lại, di cư lao động có vai trò tích cực trong việc tăng thu nhập cho hộ gia đình nhưng những tác động tiêu cực của quá trình này đặt ra những thách thức cho sự phát triển của vùng nông thôn Khơ-me. Bất ổn sinh kế, lực đẩy quan trọng của di cư lao động, là một thách thức quan trọng cho sự phát triển vùng nông thôn nơi sinh sống chủ yếu của cộng đồng người Khơ-me. Các nguyên nhân của bất ổn sinh kế hiện nay của người Khơ-me là diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít, rủi ro trong nông nghiệp, và không sẵn có các việc làm phi nông nghiệp tại địa phương. Giáo dục thường được xem như một trong những phương cách quan trọng để đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của địa phương nhưng vòng luẩn quẩn bất ổn sinh kế - nghèo - thất học đã khiến cho vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người Khơ-me dựa trên giáo dục còn nhiều bất cập. Ngoài ra, tuy các chương trình phát triển kinh tế cho người Khơ-me ở vùng nông thôn ĐBSCL như các chương trình khuyến nông và đặc biệt là các chương trình hỗ trợ hay cho vay vốn được triển khai đa dạng và rộng khắp nhưng hiệu quả còn thấp thể hiện qua việc người Khơ-me chưa tiếp cận được nguồn vốn vay hay sử dụng nguồn vốn vay chưa hiệu quả. Thậm chí, có hiện tượng di cư lao động của người Khơ-me hiện nay là giải pháp để giải quyết "hậu quả" của các chương trình phát triển này.

Qua phân tích vấn đề di cư lao động từ góc nhìn bất ổn sinh kế, chúng tôi thấy vấn đề phát triển vùng nông thôn người Khơ-me vùng ĐBSCL còn nhiều thách thức. Trong đó, giáo dục và thực thi các chính sách phát triển nông nghiệp nổi lên như những thách thức quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Dang Nguyen Anh (2008), "Nhập cư và bảo trợ xã hội ở Việt Nam", Báo cáo khoa học tại hội thảo *An sinh xã hội ở Việt Nam: Chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới*, ngày 9 tháng 9 năm 2008, Hà Nội.

2. Le Bach Duong, Tran Giang Linh, Nguyen Thi Phuong Thao (2011), "Social Protection for Rural - Urban Migrants in Vietnam: Current Situation, Challenges and Opportunities", *CSP Research Report 08*.

3. Nguyễn Thị Hòa (2009), "Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới thành phố Hồ Chí Minh (Nghiên cứu tại phường 9 thị xã Trà Vinh)",

Kỷ yếu hội thảo Việt Nam học lần thứ ba, tr. 350-374.

4. Huynh Truong Huy (2009), "Analysis of Labor Migration Decision: Its Determinants and Benefits, the Case of Khmer Families in Tra Vinh province of Vietnam", Deposen working paper series No. 2009/20.

5. Nguyễn Đình Hương (1999), *Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Le Thanh Sang (2007), "Urban Migration in Pre and Post-reform Viet Nam: Macro Pattern and Determinants of Urbanward Migration, the 1984-1089 and 1994-1999 Periods", *Proceeding of the 8th International Conference of Asia Pacific Migration Research Network*, Pp. 92-103, 26-29 May 2007, Fujian Normal University, Fuzhou, Fujian, China.

7. Taylor, Phillip (2007), "Poor Policies, Wealthy; Alternative Trajetories of Rural Development in Vietnam", *Journal of Vietnamese Studies*, Aug 2007, Vol. 2, No. 2, Pp. 3-56.

8. Todaro, Michael (1997), *Economic Development*, The sixth edition, Addion Wesley Enland.

9. Tổng cục thống kê (2009a), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, www.gso.gov.vn

10. Tổng cục thống kê (2009b), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 - Di cư và đô thị hoá ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt*, www.gso.gov.vn

11. Tổng cục thống kê (2010), *Niên giám thống kê tóm tắt 2010*, www.gso.gov.vn

Chuyên chở rơm của người Khơ-me ở sóc Tà Ngáo, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang

Ảnh: Mộc Miên